

# Giấy Phép Và Biện Pháp Quản Lý Chủ Thuê Thuê Người Nước Ngoài Làm Việc

Ngày sửa đổi: 02 tháng 09 năm 2020

## Chương I: Quy tắc chung

### Điều 1

Biện pháp này được lập theo quy định tại mục 2 Điều 48 Luật Dịch vụ Việc làm (dưới đây gọi tắt là Luật này).

### Điều 2

Từ ngữ trong Biện pháp này được định nghĩa như sau:

- I. Người nước ngoài loại 1: Là người nước ngoài được thuê làm thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 1 đến khoản 6 mục 1 Điều 46 Luật này.
- II. Người nước ngoài loại 2: Là người nước ngoài được thuê làm thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 8 đến khoản 11 mục 1 Điều 46 Luật này.
- III. Người nước ngoài loại 3: Là người nước ngoài thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 50 Luật này.
- IV. Người nước ngoài loại 4: Là người nước ngoài thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 1 đến khoản 4 mục 1 Điều 51 Luật này.

### Điều 3

Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương đánh giá tình hình cung – cầu lao động đối với phát triển kinh tế và xu thế thị trường việc làm trong nước, có thể thông báo số người, tỷ lệ người nước ngoài loại 1 được Chủ thuê thuê làm tại Điều trước và thực hiện loại hình công việc tuyển dụng trong nước.

### Điều 4

Trường hợp Hiệp định quốc tế bằng văn bản mà mục đích chủ yếu không phải là nhập cảnh vào làm việc, nội dung có ghi đồng ý người nước ngoài làm việc, số người, thời hạn cư (tạm) trú, thì visa nhập cảnh đã được người nước ngoài đăng ký, được coi là Giấy phép làm việc.

Thời hạn của Giấy phép làm việc tại mục trước, lâu nhất là 1 năm.

### Điều 5

Người nước ngoài có một trong các trường hợp sau đây, visa nhập cảnh hoặc Giấy phép nhập cảnh trong thời hạn tạm trú dưới 30 ngày được coi là Giấy phép làm việc:

- I. Thực hiện các công việc theo quy định tại mục 3 Điều 51 Luật này.
- II. Thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 1 mục 1 Điều 46

Luật này cho nhu cầu hỗ trợ giải quyết vấn đề xảy ra do sự cố khẩn cấp nhằm mục đích phúc lợi công cộng.

- III. Các nhà chuyên nghiệp ưu tú nổi tiếng được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương về ngành nghề mục tiêu nhận định hoặc được các trường học Cao đẳng trở lên, Cơ quan Chính phủ các cấp và Cơ sở nghiên cứu học thuật của mình mời đến làm việc, đồng thời thực hiện các công việc thuyết trình hoặc hướng dẫn kỹ thuật thương mại theo quy định tại khoản 1 mục 1 Điều 46 Luật này.
- IV. Được Cơ quan Chính phủ các cấp, Lãnh sự quán các nước tại Trung Hoa Dân Quốc hoặc Cơ sở nước ngoài tại Trung Hoa Dân Quốc mời đến làm việc, đồng thời thực hiện các hoạt động biểu diễn văn hóa nghệ thuật hoặc thể thao mang tính chất phi kinh doanh.

Người nước ngoài được Cơ quan Quản lý Xuất nhập cảnh cấp thẻ học thuật và du lịch thương mại, đồng thời thực hiện các công việc thuyết trình hoặc hướng dẫn kỹ thuật thương mại theo quy định tại khoản 1 mục 1 Điều 46 Luật này, visa nhập cảnh hoặc Giấy phép nhập cảnh trong thời gian tạm trú dưới 90 ngày được coi là Giấy phép làm việc.

#### Điều 6

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc tại Trung Hoa Dân Quốc, ngoài quy định tại Luật này hoặc Biện pháp này ra, Chủ thuê phải đăng ký Giấy phép với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương.

Trước khi cấp Giấy phép tại mục trước, Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương có thể họp bàn với Cơ quan có thẩm quyền về nghề nghiệp mục tiêu cấp Trung ương nghiên cứu đề xuất ý kiến thẩm tra.

Trước khi thuê người nước ngoài theo quy định tại khoản 2 mục 1 Điều 48 Luật này thực hiện công việc, Chủ thuê phải kiểm tra đối chiếu bản chính giấy tờ thẻ cư trú ngoại kiều và Hộ tịch theo thân của người nước ngoài.

#### Điều 6-1

Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài hoặc người nước ngoài đăng ký Giấy phép làm việc, Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương có thể thông báo áp dụng hạng mục đăng ký theo phương thức truyền tải qua mạng.

Theo hạng mục thông báo được quy định tại mục trước, Chủ thuê đăng ký thuê người nước loại 2 hoặc người nước ngoài loại 3 đăng ký Giấy phép làm việc, phải áp dụng phương thức truyền tải qua mạng. Nhưng trường hợp có lý do chính đáng đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương đồng ý, thì không thuộc phạm vi này.

Trường hợp Chủ thuê đăng ký theo phương thức được quy định tại 2 mục trước, phải tự lưu và bảo quản bản gốc văn bản giấy tờ ít nhất 5 năm.

#### Điều 6-2

Trường hợp các giấy tờ cần thiết trong hồ sơ đăng ký thuê người nước ngoài đã có văn bản chứng nhận của Cơ quan (Cơ sở) Chính phủ hoặc Cơ sở Quốc doanh kê khai, và Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương có thể tra cứu trên mạng, thì Chủ thuê có thể không cần nộp kèm.

Các giấy tờ không cần nộp kèm tại mục trước, sẽ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thực hiện thông báo.

Chương II: Đăng ký Giấy phép thuê làm đối với người nước ngoài loại 1

#### Điều 7

Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài loại 1, phải nộp các giấy tờ sau đây:

- I. Đơn đăng ký.
- II. Bản photo CMT, hộ chiếu hoặc thẻ cư trú ngoại kiều, Giấy chứng nhận đăng ký Công ty, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký Công xưởng, Giấy phép được nhượng quyền kinh doanh của người đăng ký hoặc người phụ trách Công ty. Nhưng trường hợp không phải nộp kèm Giấy chứng nhận đăng ký Công xưởng hoặc Giấy phép được nhượng quyền kinh doanh theo quy định, thì không thuộc phạm vi này.
- III. Bản photo Hợp đồng thuê làm.
- IV. Danh sách, bản photo hộ chiếu hoặc bản photo thẻ cư trú ngoại kiều và bản photo Bằng tốt nghiệp của người nước ngoài được thuê làm. Nhưng trường hợp người nước ngoài nhập cảnh thực hiện các công việc tại khoản 2, khoản 5 và khoản 6 mục 1 Điều 46, thì không phải nộp kèm bản photo Bằng tốt nghiệp.
- V. Bản chính hóa đơn phí thẩm tra.
- VI. Các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Đăng ký người nước ngoài nhập cảnh thực hiện các công việc tại mục 3 Điều 51 Luật này, ngoài việc phải nộp các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 5 và khoản 6 mục trước ra, còn phải nộp thêm các giấy tờ sau đây:

- I. Bản photo Hợp đồng nhận làm, mua bán hoặc hợp tác kỹ thuật v.v...
- II. Giấy chứng nhận đăng ký Pháp nhân trong nước, nước ngoài.
- III. Pháp nhân nước ngoài xuất trình Giấy chứng nhận pháp tử thực hiện

công tác.

- IV. Giấy chứng nhận đăng ký hoặc lập hồ sơ của Đơn vị đăng ký. Doanh nghiệp được nhượng quyền kinh doanh phải nộp bản photo Giấy chứng nhận được nhượng quyền kinh doanh và bản photo CMT, hộ chiếu hoặc thẻ cư trú ngoại kiều của người phụ trách.
- V. Danh sách, bản photo hộ chiếu hoặc thẻ cư trú ngoại kiều và bản photo Bằng tốt nghiệp của người nước ngoài được phái cử. Nhưng trường hợp thời gian phái cử thực hiện công tác trong vòng 1 năm trước và thời gian làm việc đăng ký lần này tích lũy chưa quá 90 ngày kể từ ngày đăng ký, thì không phải nộp kèm bản photo Bằng tốt nghiệp.

Trường hợp giấy tờ nộp kèm tại 2 mục trước được cấp tại nước ngoài, Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương có thể yêu cầu Văn phòng đại diện Trung Hoa Dân Quốc tại nước ngoài tiến hành nghiệm chứng. Trường hợp Chủ thuê là Đoàn thể nhân dân, ngoài nộp kèm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 đến khoản 6 mục 1 ra, còn phải nộp thêm Giấy chứng nhận lập hồ sơ Đoàn thể đó và bản photo CMT, hộ chiếu hoặc thẻ cư trú ngoại kiều của người phụ trách Đoàn thể.

#### Điều 8

Trường hợp Chủ thuê có nhu cầu tiếp tục thuê người nước ngoài loại 1 trong vòng 4 tháng trước ngày hết hạn Giấy phép thuê làm, thì phải nộp các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 đến khoản 6 mục 1 Điều trước để đăng ký gia hạn Giấy phép thuê làm với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương trong thời hạn quy định. Nhưng trường hợp thời hạn Giấy phép thuê làm không đủ 6 tháng, thì phải sau hơn 2/3 thời hạn Giấy phép thuê làm mới được đăng ký.

#### Điều 9

Trường hợp thời hạn tạm trú của người nước ngoài tại Điều 5 trên 31 ngày và dưới 90 ngày, thì có thể đăng ký Giấy phép theo quy định tại Điều 7 trong vòng 30 ngày sau khi người nước ngoài đó nhập cảnh.

#### Điều 10

Khi Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương cấp Giấy phép thuê làm hoặc gia hạn Giấy phép thuê làm cho người nước ngoài loại 1, phải gửi Giấy thông báo phụ cho Bộ Ngoại giao.

#### Điều 11

Chủ thuê có một trong các trường hợp sau đây khi đăng ký thuê người nước ngoài loại 1, Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương sẽ không cấp toàn bộ hoặc một phần Giấy phép thuê làm hoặc gia hạn Giấy phép thuê

làm:

- I. Cung cấp các thông tin không đúng sự thật hoặc đã hết hiệu lực.
- II. Kiểm tra sức khỏe không đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Biện pháp quản lý kiểm tra sức khỏe người nước ngoài được thuê làm có liên quan do Cơ quan có thẩm quyền về phúc lợi Y tế cấp Trung ương lập định.
- III. Không phù hợp quy định đăng ký, đã yêu cầu bổ sung trong thời hạn quy định, quá hạn vẫn không bổ sung.
- IV. Vi phạm tiêu chuẩn tại mục 2 Điều 46 Luật này.

#### Điều 11-1

Chủ thuê người nước ngoài loại 1 nếu có trường hợp giữ việc ngừng lương theo quy định pháp luật, thì phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương trong vòng 3 ngày.

#### Điều 11-2

Người nước ngoài nhập cảnh vào làm việc theo quy định tại mục 3 Điều 51 Luật này, ngoài quy định tại Luật này ra, việc đăng ký và quản lý sau khi nhập cảnh áp dụng quy định của người nước ngoài loại 1 tại khoản 1 Điều 2.

#### Điều 11-3

Theo hạng mục kinh doanh mở cửa của Hiệp định quốc tế bằng văn bản, công việc mà người nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 mục 1 Điều 46 Luật này tại Trung Hoa Dân Quốc theo Hợp đồng, ngoài Luật này hoặc Biện pháp này quy định ra, Cơ sở kinh doanh ký kết Hợp đồng phải đăng ký Giấy phép theo quy định người nước ngoài loại 1. Trường hợp Cơ sở kinh doanh ký kết Hợp đồng của người nước ngoài tại mục trước thuộc Đơn vị kinh doanh trong khu mẫu kinh tế tự do, và thực hiện các công việc tại khoản 1 hoặc khoản 2 mục 1 Điều 46 Luật này trong khu vực, thì có thể không bị hạn chế bởi hạng mục kinh doanh mở cửa của Hiệp định quốc tế bằng văn bản

Việc quản lý sau khi nhập cảnh đối với người nước ngoài tại 2 mục trước áp dụng quy định người nước ngoài loại 1.

Việc đăng ký Giấy phép tại mục 1 hoặc mục 2, ngoài việc phải nộp kèm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 5, khoản 6 mục 1 và khoản 4 mục 2 Điều 7 ra, còn phải nộp thêm các giấy tờ sau đây:

- I. Bản photo Hợp đồng.
- II. Danh sách, bản photo hộ chiếu, bản photo Bằng tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận có liên quan của người nước ngoài. Nhưng trường hợp người nước ngoài nhập cảnh vào làm việc thực hiện các công

việc tại khoản 2 mục 1 Điều 46 Luật này, không phải nộp kèm Bảng tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận có liên quan.

Trường hợp người nước ngoài thực hiện các công việc tại mục 1 hoặc mục 2, phải có chứng chỉ hành nghề, phù hợp phương thức và điều kiện ngành nghề nhất định, thì còn phải phù hợp quy định Pháp lệnh do Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương quy định.

Chương III: Đăng ký Giấy phép tuyển dụng và Giấy phép thuê làm đối với người nước ngoài loại 2

#### Điều 12

Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài loại 2, phải đăng tải quảng cáo tuyển người trên trang web thông tin việc làm mang tính toàn quốc do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thiết lập theo Điều 22 Luật này, kể từ ngày tiếp theo ngày thực hiện đăng ký tuyển người với Cơ sở Dịch vụ Việc làm Công lập tại nơi làm việc theo điều kiện lao động hợp lý, đồng thời thực hiện tuyển dụng lao động người trong nước ít nhất 21 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày đăng tải. Nhưng trường hợp đồng thời chọn một trong các bài báo trong nước do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương chỉ định để đăng tải liên tục 3 ngày, thì thực hiện tuyển dụng lao động người trong nước ít nhất 14 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày hết hạn đăng tải.

Nội dung quảng cáo tuyển người tại mục trước phải bao gồm loại công việc tuyển dụng, số người, chuyên môn hoặc bằng cấp, tên gọi Chủ thuê, tiền lương, thời gian làm việc, địa điểm làm việc, thời hạn thuê làm, tình hình cung cấp ăn uống và tên gọi, địa chỉ và điện thoại của Cơ sở Dịch vụ Việc làm Công lập thụ lý đăng ký tuyển người.

Khi Chủ thuê tuyển dụng theo mục 1, phải thông báo cho Công đoàn của Đơn vị kinh doanh hoặc người lao động của mình, đồng thời thông báo ở nơi nhân viên Đơn vị kinh doanh dễ thấy.

Trường hợp Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài thực hiện công việc chăm sóc gia đình, thì phải thực hiện tuyển dụng trong nước theo quy định tại Điều 12-1.

#### Điều 12-1

Trường hợp Chủ thuê có nguyện vọng thuê khán hộ công gia đình, thì phải đăng ký đánh giá chuyên nghiệp đối với người được chăm sóc lên Cơ sở Y tế được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thông báo. Trường hợp người được chăm sóc thông qua đánh giá chuyên nghiệp nhận định phù hợp điều kiện thuê người nước ngoài thực hiện công việc chăm sóc gia đình theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung

ương, thì Trung tâm Quản lý Chăm sóc Lâu dài tại Chính quyền thành phố và huyện (thị) trực thuộc sẽ giới thiệu nhân viên phục vụ chăm sóc người trong nước, trường hợp có lý do chính đáng không thể đáp ứng nhu cầu chăm sóc mà không thể giới thiệu thành công, thì Chủ thuê có thể đăng ký thuê khán hộ công gia đình người nước ngoài với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương.

Người được chăm sóc có một trong các trường hợp sau đây, Chủ thuê có thể trực tiếp đăng ký giới thiệu nhân viên phục vụ chăm sóc người trong nước với Trung tâm Quản lý Chăm sóc Lâu dài tại Chính quyền thành phố và huyện (thị) trực thuộc mà không cần thực hiện thủ tục đánh giá tại 2 mục trước:

- I. Có Sổ tay hoặc Giấy chứng nhận người khuyết tật mức độ nặng cụ thể.
- II. Phù hợp quy định của Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương, thì không cần Cơ sở Y tế đánh giá chuyên nghiệp.

#### Điều 13

Chuyên môn hoặc bằng cấp được Chủ thuê yêu cầu để thực hiện tuyển dụng trong nước theo quy định tại Điều 12, thì người ngoài loại 2 được thuê làm cũng phải có. Khi cần thiết, Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương có thể nghiệm chứng lại chuyên môn hoặc bằng cấp của người nước ngoài loại 2 này. Trường hợp được nghiệm chứng lại mà không đạt tiêu chuẩn, thì sẽ không cấp Giấy phép.

Chủ thuê tổ chức trắc nghiệm tuyển chọn khi tuyển dụng trong nước, phải gửi hạng mục trắc nghiệm tuyển chọn và điều kiện tuyển dụng cho Cơ sở Dịch vụ Việc làm Công lập thụ lý đăng ký tuyển người lưu hồ sơ khi thực hiện đăng ký tuyển người. Cơ sở Dịch vụ Việc làm Công lập có thể chỉ định ngày thực hiện trắc nghiệm đối với lần trắc nghiệm chuyên môn này, đồng thời có thể mời các chuyên gia có chuyên môn chứng kiến tại chỗ. Hạng mục trắc nghiệm tuyển chọn và điều kiện tuyển dụng tại mục trước sẽ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thông báo theo loại hình công việc.

#### Điều 14

Trường hợp Chủ thuê thực hiện tuyển dụng người lao động trong nước theo quy định tại mục 1 Điều 12 mà tuyển dụng không đủ số người, thì có thể nộp thông tin quảng cáo tuyển người cần đăng tải, danh sách lao động trong nước được thuê làm và các giấy tờ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định lên Cơ sở Dịch vụ Việc làm Công lập thụ lý đăng ký tuyển người ban đầu để đăng ký Giấy chứng nhận tuyển người

trong vòng 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày hết hạn tuyển dụng tại mục 1 Điều 12.

Trường hợp Cơ sở Dịch vụ Việc làm Công lập thụ lý đăng ký tuyển người ban đầu thẩm hạch Chủ thuê đã thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, mà có tình trạng tuyển dụng không đủ số người lao động trong nước, thì phải kê khai Giấy chứng nhận tuyển người.

#### Điều 15

Khi Chủ thuê thực hiện tuyển dụng trong nước theo quy định, không được có một trong các trường hợp sau đối với nhân viên do Cơ sở Dịch vụ Việc làm Công lập giới thiệu hoặc người tìm việc tự xin việc:

- I. Không được trình bày tính khó khăn hoặc tính nguy hiểm trong công việc không đúng sự thật.
- II. Loại ngành nghề đăng ký tuyển người thuộc công việc phi kỹ thuật hoặc công việc chân tay, từ chối thuê người tìm việc với lý do kỹ thuật không phù hợp.
- III. Từ chối thuê người lao động trong nước mà không có lý do chính đáng khác.

#### Điều 15-1

(Xóa bỏ)

#### Điều 15-2

(Xóa bỏ)

#### Điều 16

Chủ thuê đăng ký Giấy phép tuyển dụng người nước ngoài loại 2 , phải nộp các giấy tờ sau đây:

- I. Đơn đăng ký.
- II. Bản photo CMT, hộ chiếu hoặc thẻ cư trú ngoại kiều, Giấy chứng nhận đăng ký Công ty, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký Công xưởng, Giấy phép được nhượng quyền kinh doanh của người đăng ký hoặc người phụ trách Công ty. Nhưng có một trong các trường hợp sau đây, thì không phải nộp kèm Giấy phép được nhượng quyền kinh doanh:
  - (1) Trường hợp thuê người nước ngoài thực hiện công việc xây dựng.
  - (2) Trường hợp không phải thực hiện Giấy phép được nhượng quyền kinh doanh theo quy định Pháp lệnh có liên quan khác.
- III. Giấy chứng nhận tuyển người. Nhưng trường hợp thuê khoán hộ công gia đình, thì không phải nộp.
- IV. Danh sách người lao động trong nước được thuê làm khi Chủ thuê tuyển dụng trong nước. Nhưng trường hợp thuê khoán hộ công gia



đình, thì không phải nộp.

V. Giấy chứng nhận được Chính quyền thành phố hoặc huyện (thị) trực thuộc kê khai theo các hạng mục sau:

- (1) Đã rút tiền dự phòng hưu trí lao động và nộp tiền hưu trí lao động theo quy định.
- (2) Đã nộp quỹ tạm ứng nợ lương theo quy định.
- (3) Đã nộp phí bảo hiểm lao động theo quy định.
- (4) Đã nộp tiền phạt hành chính do vi phạm Pháp lệnh về lao động theo quy định.
- (5) Đã tổ chức Hội nghị Chủ thuê và người lao động theo quy định.
- (6) Nơi làm việc dự định của người nước ngoài loại 2, không có sự việc cụ thể đủ để nhận định là có bãi công hoặc tranh chấp lao động theo quy định tại Điều 10 Luật này.
- (7) Không có sự việc cụ thể được suy đoán là có tình hình thu hẹp kinh doanh, ngừng sản xuất, đóng cửa Nhà máy hoặc kết thúc kinh doanh.
- (8) Không có tình trạng giảm thấp điều kiện lao động đối với người lao động trong nước do thuê người nước ngoài loại 2.

VI. Bản chính hóa đơn phí thẩm tra.

VII. Các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Các trường hợp được quy định tại điểm 6 đến điểm 8 khoản 5 mục trước, giới hạn đối với các trường hợp xảy ra trong vòng 2 năm trước ngày đăng ký.

Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài có một trong các trường hợp sau, thì không phải nộp các Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 5 mục 1:

- I. Thuê người giúp việc gia đình và khán hộ công gia đình.
- II. Chủ thuê là Thể nhân không thuê người lao động trong nước cùng đối tác thỏa thuận áp dụng phân chia lãi dư theo tỷ lệ, thuê người nước ngoài thực hiện công việc đánh bắt cá ngoài khơi.
- III. Chủ thuê là Thể nhân không thuê người lao động trong nước, thuê người nước ngoài thực hiện các công việc nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi hoặc nuôi cá.

Trường hợp Chủ thuê là Đoàn thể nhân dân, ngoài nộp các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 đến khoản 7 mục 1 ra, còn phải nộp thêm Giấy chứng nhận lập hồ sơ Đoàn thể đó và bản photo CMT, hộ chiếu hoặc thẻ cư trú ngoại kiều của người phụ trách Đoàn thể.

## Điều 16-1

(Xóa bỏ)

## Điều 17

Trường hợp Chủ thuê thuê người nước ngoài loại 2 xuất cảnh mà nguyên nhân không thể quy trách nhiệm về phía Chủ thuê, cần đăng ký bổ sung người lao động theo quy định tại mục 1 Điều 58 Luật này, thì phải nộp các giấy tờ sau đây:

- I. Đơn đăng ký.
- II. Giấy chứng nhận xuất cảnh của người nước ngoài.
- III. Giấy chứng nhận chấm dứt quan hệ thuê lao động giữa Chủ thuê và người nước ngoài loại 2 được Chính quyền thành phố, huyện (thị) trực thuộc nghiệm chứng. Nhưng trường hợp chấm dứt quan hệ thuê lao động giữa Chủ thuê và người nước ngoài mà không phải nghiệm chứng theo quy định tại Điều 45, thì không cần nộp kèm.
- IV. Các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Trường hợp Chủ thuê tại mục trước đăng ký bổ sung người lao động do người nước ngoài tử vong, thì phải nộp các giấy tờ sau đây:

- I. Đơn đăng ký.
- II. Giấy chứng tử của người nước ngoài.
- III. Các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Trường hợp Chủ thuê đăng ký bổ sung người lao động theo quy định tại mục 1, khoản 1 hoặc khoản 2 mục 2 Điều 58 Luật này, thì phải nộp các giấy tờ sau đây:

- I. Đơn đăng ký.
- II. Các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Trường hợp Chủ thuê đăng ký bổ sung người lao động theo quy định tại khoản 3 mục 2 Điều 58 Luật này do đồng ý khán hộ công gia đình được thuê chuyển Chủ hoặc chuyển đổi công việc, thì phải nộp các giấy tờ sau đây:

- I. Đơn đăng ký.
- II. Bản photo Giấy phép do Chủ thuê mới tiếp tục thuê người nước ngoài hoặc Giấy chứng nhận xuất cảnh.
- III. Các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

## Điều 17-1

Trường hợp Chủ thuê đăng ký bổ sung người lao động là người nước ngoài loại 2 theo quy định tại mục 1 Điều 58 Luật này, thì phải đăng ký bổ sung người lao động trong vòng 6 tháng kể từ ngày đủ 6 tháng thông báo cho Cơ quan Quản lý Xuất nhập cảnh và Cơ quan Cảnh sát về việc người nước ngoài xuất cảnh, tử vong hoặc mất tích.

Trường hợp Chủ thuê đăng ký bổ sung người lao động là khán hộ công gia đình theo quy định tại mục 2 Điều 58 Luật này, thì phải đăng ký trong thời hạn quy định sau đây:

- I. Trường hợp đăng ký theo quy định tại khoản 1 mục 2 Điều 58 Luật này, trong vòng 6 tháng kể từ ngày xảy ra việc mất tích.
- II. Trường hợp đăng ký theo quy định tại khoản 2 mục 2 Điều 58 Luật này, trong vòng 6 tháng kể từ ngày đủ 3 tháng xảy ra việc mất tích.
- III. Trường hợp đăng ký theo quy định tại khoản 3 mục 2 Điều 58 Luật này, trong vòng 6 tháng kể từ ngày Chủ thuê mới tiếp tục thuê hoặc người nước ngoài xuất cảnh.

Trường hợp Chủ thuê đã phù hợp quy định thông báo Cơ quan Quản lý Xuất nhập cảnh và Cơ quan Cảnh sát theo quy định đủ 6 tháng về việc người nước ngoài mất tích tại mục 1 Điều 58 Luật này, hoặc phù hợp người nước ngoài xảy ra mất tích đủ 3 tháng và chưa quá 6 tháng tại khoản 2 mục 2 Điều 58 Luật này, trước khi Biện pháp này được sửa đổi có hiệu lực ngày 28 tháng 03 năm 2014, mà có thể đăng ký bổ sung người lao động là người nước ngoài loại 2, thì phải đăng ký bổ sung người lao động với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương trong vòng 6 tháng kể từ ngày sửa đổi có hiệu lực của Biện pháp này.

Chủ thuê quá thời hạn đăng ký bổ sung người lao động tại 3 mục trước, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương sẽ không cấp Giấy phép.

#### Điều 18

Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài loại 2, thì không được rút lại đăng ký tuyển người trong vòng 6 tháng trước khi thực hiện tuyển dụng trong nước. Nhưng trường hợp có lý do chính đáng, thì không thuộc phạm vi này.

#### Điều 19

Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài thực hiện các công việc tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật này, thì phải chấp hành đầy đủ theo Bản kế hoạch dịch vụ chăm sóc đời sống của người nước ngoài.

Trường hợp Chủ thuê vi phạm các quy định tại mục trước, thì Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương sẽ thông báo bằng văn bản để cải thiện theo thời hạn quy định.

## Điều 19-1

Bản kế hoạch dịch vụ chăm sóc đời sống của người nước ngoài được quy định tại mục 1 Điều trước, phải quy hoạch các hạng mục sau đây:

- I. Vệ sinh an toàn ăn uống và nơi ở.
- II. Bảo vệ an toàn tính mạng.
- III. Cơ sở hạ tầng văn hóa giải trí và thông tin hoạt động tôn giáo.
- IV. Dịch vụ tư vấn đời sống.
- V. Địa điểm nơi ở và nhân viên phục vụ chăm sóc đời sống.
- VI. Các hạng mục khác được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Trường hợp Chủ thuê thuê người nước ngoài thực hiện công việc của người giúp việc gia đình hoặc khán hộ công gia đình, thì không phải quy hoạch các hạng mục theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 mục trước. Nếu Chủ thuê thay đổi hạng mục tại khoản 5 mục 1, thì phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nơi người nước ngoài làm việc và địa điểm nơi ở trong vòng 7 ngày sau khi thay đổi.

## Điều 20

Chủ thuê đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hạch chuẩn tuyển mộ lại người nước ngoài loại 2, thì không được đưa lao động vào hoặc thuê người nước ngoài loại 2 trước khi người nước ngoài loại 2 được thuê ban đầu xuất cảnh. Nhưng có một trong các trường hợp sau đây, thì không thuộc phạm vi này:

- I. Người nước ngoài thực hiện công việc của khán hộ công gia đình, đã được Chủ thuê đồng ý chuyển Chủ hoặc chuyển đổi công việc trong thời hạn Giấy phép thuê làm có hiệu lực, đồng thời được Chủ thuê mới tiếp tục thuê làm.
- II. Người nước ngoài được thuê làm thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật này, khi Giấy phép thuê làm hết hạn có hiệu lực, Chủ thuê ban đầu được phép tiếp tục thuê làm (dưới đây gọi tắt là thuê tiếp khi hết hạn).
- III. Người nước ngoài được thuê làm thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật này, khi Giấy phép thuê làm hết hạn có hiệu lực, thì Chủ thuê mới được phép tiếp tục thuê làm (dưới đây gọi tắt là chuyển đổi khi hết hạn) theo quy định của Tiêu chuẩn trình tự chuyển Chủ hoặc chuyển đổi công việc của người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc tại khoản 8 đến khoản 11 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm (dưới đây gọi tắt là Tiêu chuẩn chuyển Chủ).

IV. Trường hợp người nước ngoài phải hoãn xuất cảnh do bị tạm giữ, thi hành án hình sự, mắc bệnh hoặc chấn thương nghiêm trọng hoặc lý do khác không thể quy trách nhiệm về phía Chủ thuê, và được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hạch định theo chuyên án.

#### Điều 21

Khi Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài loại 2, trường hợp cho thôi việc hoặc sa thải người lao động trong nước đạt tỷ lệ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định trong vòng 2 năm trước ngày đăng ký, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương sẽ không cấp Giấy phép.

#### Điều 22

Khi đăng ký thuê người nước ngoài loại 2 mà có một trong các trường hợp sau đây, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương sẽ không cấp Giấy phép:

- I. Trường hợp Chủ thuê, người được chăm sóc hoặc người nhà sống chung khác có một trong các hành vi theo quy định tại Điều 221 đến Điều 229 Bộ luật Hình sự đối với người nước ngoài loại 2 từng được thuê làm.
- II. Người đại diện, người phụ trách của Chủ thuê hoặc người đại diện Chủ thuê xử lý các việc liên quan đến lao động có một trong các hành vi theo quy định tại Điều 221 đến Điều 229 Bộ luật Hình sự đối với người nước ngoài loại 2 từng được thuê làm.

#### Điều 23

(Xóa bỏ)

#### Điều 24

Trường hợp Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài loại 2 có hành vi vi phạm tiêu chuẩn tại mục 2 Điều 46 Luật này hoặc tiêu chuẩn tại mục 2 Điều 59 Luật này, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương sẽ không cấp Giấy phép.

#### Điều 25

Chủ thuê đăng ký tuyển dụng người nước ngoài loại 2, Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương có thể quy định về kỳ hạn có hiệu lực của giấy tờ đăng ký và trình tự đăng ký.

Trường hợp Chủ thuê đăng ký tuyển dụng người nước ngoài loại 2 theo quy định tại mục trước và đã được cho phép, thì phải hoàn thành thủ tục nhập cảnh cho người nước ngoài từ quốc gia được phép đưa lao động vào trong vòng 6 tháng kể từ ngày được ghi trong Giấy thông báo cho phép. Trường hợp quá hạn, Giấy phép tuyển dụng sẽ mất hiệu lực.

Trường hợp Giấy phép tại mục trước quá hạn mà có lý do bất khả kháng

hoặc lý do không thể quy trách nhiệm về phía Chủ thuê, thì Chủ thuê phải đăng ký gia hạn với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương trong vòng 30 ngày trước và sau ngày hết hạn cho phép đưa lao động vào, và chỉ được gia hạn 1 lần.

Trường hợp Giấy phép tại mục trước được hạch chuẩn gia hạn, thì phải đưa lao động vào trong vòng 3 tháng kể từ ngày được ghi trong Giấy thông báo hạch chuẩn.

#### Điều 26

Chủ thuê không được thuê người nước ngoài loại 2 đã nhập cảnh vào Trung Hoa Dân Quốc. Nhưng có một trong các trường hợp sau đây, thì không thuộc phạm vi này:

- I. Đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương cho phép thuê tiếp khi hết hạn hoặc chuyển đổi khi hết hạn.
- II. Đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hạch chuẩn theo chuyên án khác.

#### Điều 27

Người nước ngoài loại 2 đăng ký visa nhập cảnh theo quy định, phải nộp các giấy tờ sau đây:

- I. Giấy phép tuyển dụng.
- II. Báo cáo kiểm tra sức khỏe đạt tiêu chuẩn trong vòng 3 tháng do Bệnh viện được Cơ quan có thẩm quyền về phúc lợi Y tế cấp Trung ương Trung Hoa Dân Quốc cho phép hoặc Bệnh viện được chỉ định cấp phát.
- III. Giấy chứng nhận chuyên môn.
- IV. Giấy chứng nhận không có tiền án tiền sự. Nhưng trường hợp người nước ngoài nhập cảnh trở lại trong vòng 30 ngày sau khi xuất cảnh, thì không phải nộp kèm.
- V. Bản cam kết tiền lương và chi phí làm việc sau khi nhập cảnh cho người nước ngoài đã được Bộ phận có thẩm quyền tại quốc gia của mình nghiệm chứng.
- VI. Hợp đồng lao động đã hoàn thành ký kết.
- VII. Bản cam kết người nước ngoài đã hiểu quy định về công việc có liên quan trong Luật này.

Trường hợp người nước ngoài loại 2 được Chủ thuê thuê làm ban đầu, sẽ do Chủ thuê tự thực hiện việc tuyển dụng lại, chưa ủy quyền Cơ quan Dịch vụ Việc làm Tự lập, và đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thay mặt chuyển gửi giấy tờ đăng ký, thì không phải nộp các giấy tờ theo quy định tại khoản 3 đến khoản 5 và khoản 7 mục trước.

#### Điều 27-1

Trường hợp người nước ngoài được Chủ thuê đăng ký thuê làm thực hiện công việc tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật này, thì phải nộp các giấy tờ sau đây để thông báo Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện lưu hồ sơ trong vòng 3 ngày sau khi người ngoài nhập cảnh:

- I. Đơn khai báo người nước ngoài nhập cảnh.
- II. Bản kế hoạch dịch vụ chăm sóc đời sống cho người nước ngoài.
- III. Danh sách người nước ngoài.
- IV. Bản cam kết tiền lương và chi phí làm việc sau khi nhập cảnh cho người nước ngoài đã được Bộ phận có thẩm quyền tại quốc gia của người nước ngoài nghiệm chứng. Nhưng trường hợp phù hợp quy định tại mục 2 Điều 27, thì không phải nộp kèm.

Trường hợp giấy tờ mà Chủ thuê nộp đã được Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thụ lý phù hợp quy định tại mục trước, thì phải cấp Giấy chứng nhận thụ ký Đơn khai báo Chủ thuê thuê người ngoài nhập cảnh, và thực hiện kiểm tra các hạng mục theo quy định tại Điều 19. Nhưng trường hợp đã kiểm tra đạt tiêu chuẩn trong vòng 6 tháng trước ngày cấp Giấy chứng nhận, thì có thể không phải thực hiện kiểm tra tại mục trước. Chủ thuê tiếp khi hết hạn, không phải thực hiện theo quy định tại mục 1.

Chủ thuê chuyển đổi khi hết hạn, phải nộp các giấy tờ để thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện lưu hồ sơ theo quy định của Tiêu chuẩn chuyển Chủ.

#### Điều 27-2

Khi Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện kiểm tra tiền lương và chi phí làm việc sau khi nhập cảnh cho người nước ngoài thực hiện công việc theo quy định tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật này, thì phải dựa theo nội dung ghi chép của Bản cam kết tiền lương và chi phí làm việc sau khi nhập cảnh cho người nước ngoài theo quy định tại khoản 4 mục 1 Điều trước làm chuẩn.

Khi Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện kiểm tra quy định tại mục trước đối với Chủ thuê tiếp khi hết hạn, thì phải dựa theo nội dung ghi chép của Bản cam kết tiền lương và chi phí làm việc sau khi nhập cảnh cho người nước ngoài đã được Bộ phận có thẩm quyền tại quốc gia của người nước ngoài nghiệm chứng tại lần gần nhất làm chuẩn.

Khi Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện kiểm tra quy định tại

mục 1 đối với Chủ thuê chuyển đổi khi hết hạn, thì phải dựa theo nội dung ghi chép của Bản cam kết tiền lương và chi phí làm việc sau khi nhập cảnh cho người nước ngoài do Chủ thuê nộp khi thông báo theo quy định Tiêu chuẩn chuyển Chủ làm chuẩn.

Nội dung Bản cam kết tiền lương và chi phí làm việc sau khi nhập cảnh cho người nước ngoài được quy định tại 3 mục trước, không được thay đổi mà không có lợi đối với người nước ngoài.

#### Điều 28

Chủ thuê phải nộp các giấy tờ sau đây để đăng ký Giấy phép thuê làm trong vòng 15 ngày sau khi người nước ngoài loại 2 được tuyển dụng nhập cảnh:

- I. Đơn đăng ký.
- II. Bản chính hóa đơn phí thẩm tra.
- III. Giấy chứng nhận thụ lý khai báo do Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương cấp theo quy định tại Điều trước.
- IV. Các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

#### Điều 28-1

Chủ thuê phải chịu trách nhiệm Chủ thuê theo quy định tại Luật này kể từ ngày người nước ngoài loại 2 được đưa vào nhập cảnh hoặc ngày thuê tiếp khi hết hạn.

Trường hợp Chủ thuê không đăng ký theo quy định tại Điều trước hoặc Điều 28-3, quá hạn đăng ký hoặc đăng ký không phù hợp quy định, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương có thể cấp Giấy phép thuê làm trong thời hạn sau đây:

- I. Kể từ ngày người nước ngoài nhập cảnh cho đến ngày không cấp Giấy phép thuê làm.
- II. Kể từ ngày thuê tiếp khi hết hạn cho đến ngày không cấp Giấy phép thuê làm.

#### Điều 28-2

Người nước ngoài được Chủ thuê đăng ký thuê làm tại Trung Hoa Dân Quốc mà thời hạn làm việc đủ 12 năm hoặc sắp đủ 12 năm trong vòng 1 năm, thực hiện các công việc khán hộ gia đình theo quy định tại khoản 9 mục 1 Điều 46 Luật này, thì phải nộp các giấy tờ sau đây để đăng ký Giấy phép thời hạn làm việc của người nước ngoài có thể tích lũy đến 14 năm:

- I. Đơn đăng ký.
- II. Bảng đánh giá người nước ngoài đã qua huấn luyện chuyên nghiệp hoặc tự lực học hỏi mà có biểu hiện đặc biệt và Giấy chứng nhận liên



quan.

Giấy chứng nhận biểu hiện đặc biệt tại khoản 2 mục trước được quy định theo trình độ của người nước ngoài thực hiện các công việc tại khoản 8 đến khoản 11 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm và Bảng 9 kèm theo của Tiêu chuẩn thẩm tra.

#### Điều 28-3

Trường hợp Chủ thuê có nhu cầu tiếp tục thuê người nước ngoài thực hiện các công việc tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật này trong vòng 2 tháng đến 4 tháng trước khi hết hạn Giấy phép thuê làm có hiệu lực, thì phải nộp các giấy tờ sau đây trong thời hạn quy định lên Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương để đăng ký Giấy phép thuê tiếp khi hết hạn:

- I. Đơn đăng ký.
- II. Giấy chứng nhận thuê tiếp khi hết hạn do hai bên Chủ thuê và người lao động đồng ý.
- III. Các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

#### Điều 28-4

Trường hợp Chủ thuê không có nhu cầu tiếp tục thuê người nước ngoài thực hiện các công việc tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật này trong vòng 2 tháng đến 4 tháng trước khi hết hạn Giấy phép thuê làm có hiệu lực, thì phải nộp Đơn đăng ký và các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định trong thời hạn quy định lên Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương để đăng ký chuyển đổi khi hết hạn cho người nước ngoài đó.

Trường hợp Chủ thuê ban đầu đăng ký chuyển đổi khi hết hạn, người nước ngoài đó và Chủ thuê mới đã đồng ý thuê tiếp khi hết hạn, thì Chủ thuê mới có thể trực tiếp đăng ký tiếp tục thuê người nước ngoài với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương theo quy định của Tiêu chuẩn chuyển Chủ.

#### Điều 29

Trường hợp Chủ thuê có nhu cầu tiếp tục thuê người nước ngoài thực hiện các công việc có trường hợp đặc biệt lớn, công trình lớn tại mục 2 Điều 52 Luật này hoặc thực hiện các công việc tại khoản 11 mục 1 Điều 46 Luật này trong vòng 60 ngày trước ngày hết hạn Giấy phép thuê làm còn hiệu lực, thì phải nộp Đơn đăng ký gia hạn Giấy phép thuê làm và các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định trong thời hạn quy định, để đăng ký gia hạn Giấy phép thuê làm với Cơ quan có

thẩm quyền cấp Trung ương.

#### Chương IV: Đăng ký Giấy phép thuê làm đối với người nước ngoài loại 3 Điều 30

Lưu học sinh nước ngoài tại khoản 1 Điều 50 Luật này phải phù hợp diện học sinh nước ngoài theo quy định của Biện pháp học sinh nước ngoài đến Đài Loan học tập.

#### Điều 31

Lưu học sinh nước ngoài tại Điều trước chính thức nhập học theo học các khóa học của Tổ, Khoa, Sở, hoặc học khóa ngôn ngữ trên 1 năm, và được trường học mà mình theo học nhận định là có một trong các trường hợp sau đây, thì có thể thực hiện các công việc có liên quan đến khóa học và ngôn ngữ của mình:

- I. Năng lực tài chính không thể tiếp tục duy trì việc học tập và sinh hoạt của bản thân, đồng thời có thể đề xuất Giấy chứng nhận cụ thể.
- II. Đơn vị nghiên cứu dạy học tại trường học đang theo học cần lưu học sinh nước ngoài hỗ trợ tham gia làm việc.
- III. Phải thực hiện khóa thực tập ngoài trường có liên quan đến khóa học mà mình theo học.

Lưu học sinh nước ngoài phù hợp một trong các trình độ sau đây, thì không bị hạn chế bởi quy định tại mục trước:

- I. Có chuyên môn ngôn ngữ đặc biệt, đã được Bộ Giáo dục hạch chuẩn theo chuyên án, thì sau khi nhập học có thể kiêm làm giáo viên ngoại ngữ tại Trung tâm ngôn ngữ thuộc các trường Đại học / Cao đẳng hoặc Trung tâm ngôn ngữ thuộc Cơ sở giáo dục văn hóa nước ngoài tại Trung Hoa Dân Quốc.
- II. Theo học khóa sau Đại học, và được trường học mà mình theo học đồng ý thực hiện các công việc nghiên cứu có liên quan đến môn học mà mình nghiên cứu.

#### Điều 32

Học sinh Hoa kiều tại khoản 2 Điều 50 Luật này, phải phù hợp diện học sinh theo quy định của Biện pháp học sinh Hoa kiều về nước học tập và phụ đạo.

Học sinh gốc Hoa tại khoản 2 Điều 50 Luật này, phải thuộc một trong các diện sau đây:

- I. Học sinh theo quy định của Biện pháp cư dân Hồng Kông, Ma Cao đến Đài Loan học tập.
- II. Học sinh theo học lớp huấn luyện kỹ thuật do Cơ quan có thẩm quyền về sự kiện Hoa kiều tổ chức.

### Điều 33

Người nước ngoài loại 3 đăng ký Giấy phép làm việc, phải nộp các giấy tờ sau đây:

- I. Đơn đăng ký.
- II. Bản chính hóa đơn phí thẩm tra.
- III. Các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

### Điều 34

Thời hạn có hiệu lực của Giấy phép làm việc của người nước ngoài loại 3 lâu nhất là 6 tháng.

Người nước ngoài được phép làm việc tại mục trước, thời gian làm việc ngoại trừ nghỉ hè và nghỉ đông ra, thì thời gian làm việc lâu nhất cho mỗi tuần là 20 giờ.

### Điều 35

Người nước ngoài loại 3 đăng ký Giấy phép làm việc mà có một trong các trường hợp sau đây, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương sẽ không cấp Giấy phép:

- I. Cung cấp các thông tin không đúng sự thật.
- II. Không phù hợp quy định đăng ký, đã yêu cầu bổ sung trong thời hạn quy định, quá hạn vẫn không bổ sung.

Chương V: Đăng ký Giấy phép thuê làm đối với người nước ngoài loại 4

### Điều 36

Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài loại 4, phải nộp các giấy tờ sau đây:

- I. Đơn đăng ký.
- II. Bản photo CMT, hộ chiếu hoặc thẻ cư trú ngoại kiều, Giấy chứng nhận đăng ký Công ty, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký Công xưởng, Giấy phép được nhượng quyền kinh doanh của người đăng ký hoặc người phụ trách Công ty Nhưng trường hợp không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký Công xưởng hoặc Giấy phép được nhượng quyền kinh doanh theo quy định, thì không thuộc phạm vi này.
- III. Bản photo Hợp đồng thuê làm hoặc Hợp đồng lao động.
- IV. Bản photo hộ chiếu của người nước ngoài được thuê làm.
- V. Bản photo thẻ cư trú ngoại kiều hoặc thẻ cư trú vĩnh viễn của người nước ngoài được thuê làm.
- VI. Bản chính hóa đơn phí thẩm tra.
- VII. Các giấy tờ khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy

định.

Trường hợp Chủ thuê là Đoàn thể nhân dân, ngoài việc nộp các giấy tờ tại khoản 1, khoản 3 đến khoản 7 mục trước ra, còn phải nộp thêm Giấy chứng nhận lập hồ sơ của Đoàn thể đó và bản photo CMT, hộ chiếu hoặc thẻ cư trú ngoại kiều của người phụ trách Đoàn thể.

Điều 37

Trường hợp Chủ thuê có nhu cầu tiếp tục thuê người nước ngoài loại 4 đó trong vòng 60 ngày trước ngày hết hạn Giấy phép thuê làm, thì phải nộp các giấy tờ tại khoản 1, khoản 3 đến khoản 7 Điều trước trong vòng thời hạn quy định lên Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương để đăng ký gia hạn Giấy phép thuê làm.

Điều 38

Trường hợp người nước ngoài loại 4 đăng ký trực tiếp với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương theo quy định tại mục 2 Điều 51 Luật này, thì phải nộp các giấy tờ tại khoản 1, khoản 4 đến khoản 7 Điều 36 để đăng ký Giấy phép.

Điều 39

Trường hợp Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài loại 4 hoặc người nước ngoài đăng ký Giấy phép trực tiếp với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương theo quy định tại mục 2 Điều 51 Luật này, nếu có một trong các trường hợp sau đây, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương sẽ không cấp Giấy phép thuê làm hoặc gia hạn Giấy phép thuê làm:

- I. Cung cấp các thông tin không đúng sự thật.
- II. Không phù hợp quy định đăng ký, đã yêu cầu bổ sung trong thời hạn quy định, quá hạn vẫn không bổ sung.

Chương VI: Quản lý sau khi nhập cảnh

Điều 40

Trường hợp Chủ thuê thuê người nước ngoài theo quy định tại khoản 9 và khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật này trên 10 người, thì phải thiết lập nhân viên phục vụ chăm sóc đời sống theo các quy định sau đây:

- I. Trường hợp thuê số người trên 10 người và chưa đến 50 người, thiết lập ít nhất 1 nhân viên phục vụ.
- II. Trường hợp thuê số người trên 50 người và chưa đến 100 người, thiết lập ít nhất 2 nhân viên phục vụ.
- III. Trường hợp thuê số người trên 100 người, thiết lập ít nhất 3 nhân viên phục vụ; cứ thuê thêm 100 người, ít nhất lập thêm 1 nhân viên phục vụ.

Nhân viên phục vụ chăm sóc đời sống tại mục trước phải có một trong

các điều kiện sau đây:

- I. Người được cấp Giấy chứng nhận nhân viên chuyên nghiệp về dịch vụ việc làm.
- II. Người có kinh nghiệm trên 2 năm trong công tác phục vụ chăm sóc đời sống người nước ngoài.
- III. Người tốt nghiệp Đại học / Cao đẳng, và có kinh nghiệm làm việc trên 1 năm.

Trường hợp Chủ thuê vi phạm quy định tại mục 2, thì Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương có thể thông báo yêu cầu cải thiện trong thời hạn quy định.

#### Điều 40-1

Cơ sở Dịch vụ Việc làm tư lập được Chủ thuê tại Điều trước ủy quyền thực hiện nhân viên phục vụ chăm sóc đời sống người nước ngoài, thì phải thiết lập nhân viên phục vụ chăm sóc đời sống theo các quy định sau đây:

- I. Trường hợp số người nước ngoài trên 10 người và chưa đến 50 người, thiết lập ít nhất 1 nhân viên phục vụ.
- II. Trường hợp số người nước ngoài trên 50 người và chưa đến 100 người, thiết lập ít nhất 2 nhân viên phục vụ.
- III. Trường hợp số người nước ngoài trên 100 người, thiết lập ít nhất 3 nhân viên phục vụ; cứ thêm 100 người, ít nhất lập thêm 1 nhân viên phục vụ.

Điều kiện mà nhân viên phục vụ chăm sóc đời sống tại mục trước phải có, áp dụng quy định tại mục 2 Điều trước.

Trường hợp Cơ sở Dịch vụ Việc làm Tư lập vi phạm quy định 2 mục trước, thì Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương có thể thông báo yêu cầu Chủ thuê ủy quyền và Cơ sở Dịch vụ Việc làm Tư lập được ủy quyền phải cải thiện trong thời hạn quy định.

#### Điều 40-2

Các hạng mục được quy định tại Bản kế hoạch dịch vụ chăm sóc đời sống người nước ngoài do Chủ thuê ủy quyền Cơ sở Dịch vụ Việc làm Tư lập thực hiện, phải làm tròn trách nhiệm bầu chọn người giám sát.

#### Điều 40-3

Trường hợp người nước ngoài thực hiện các công việc tại khoản 8 đến khoản 11 mục 1 Điều 46 Luật này, đã được Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nhận định là cần thiết phải được sắp xếp chốn nương thân, thì có thể được sắp xếp chốn nương thân theo quy định về đối tượng, thời hạn và trình tự sắp xếp chốn nương thân của Cơ quan có thẩm

quyền cấp Trung ương.

#### Điều 41

Trường hợp Chủ thuê thuê người nước ngoài tại Điều 40 trên 30 người; thì trong số người nước ngoài được thuê, phải phân bổ người có năng lực song ngữ theo các quy định sau đây.

- I. Trường hợp số người được thuê trên 30 người và chưa đến 100 người, phân bổ ít nhất 1 nhân viên song ngữ.
- II. Trường hợp số người được thuê trên 100 người và chưa đến 200 người, phân bổ ít nhất 2 nhân viên song ngữ.
- III. Trường hợp số người được thuê trên 200 người, phân bổ ít nhất 3 nhân viên song ngữ; cứ thuê thêm 100 người, ít nhất phân bổ thêm 1 nhân viên song ngữ.

Trường hợp chủ thuê vi phạm quy định tại mục trước, Cơ quan có thẩm quyền cấp địa phương có thể thông báo yêu cầu cải thiện trong thời hạn quy định.

#### Điều 42

Hợp đồng lao động bằng văn bản được ký kết định kỳ giữa Chủ thuê và người nước ngoài theo quy định tại mục 3 Điều 46 Luật này, phải được làm bằng tiếng Trung, đồng thời phải dịch sang tiếng mẹ đẻ của người nước ngoài đó.

#### Điều 43

Tiền lương do Chủ thuê thanh toán cho người nước ngoài loại 2 theo Hợp đồng lao động, phải nộp kèm Bảng lương tiếng Trung và tiếng mẹ đẻ của người nước ngoài đó, có ghi rõ tiền lương lĩnh nhận thực tế, hạng mục tính toán tiền lương, tổng số tiền lương, phương thức thanh toán tiền lương, phí bảo hiểm Y tế toàn dân do người nước ngoài phải gánh vác, phí bảo hiểm lao động, thuế thu nhập, phí ăn ở, tiền phúc lợi việc làm, số tiền bị thu giữ theo Lệnh thu giữ của Tòa án hoặc Cơ quan Thi hành án Hành chính, hoặc hạng mục và số tiền có thể khấu trừ trực tiếp từ tiền lương theo quy định khác của pháp luật, giao cho người nước ngoài đó lưu giữ, và tự bảo quản 5 năm.

Chủ thuê phải nộp Hợp đồng lao động được lập và bảo quản, Bản cam kết tiền lương và chi phí làm việc sau khi nhập cảnh cho người nước ngoài đã được nghiệm chứng, gửi cho Cơ quan có thẩm quyền lưu hồ sơ.

Trường hợp Chủ thuê đưa người nước ngoài loại 2 vào làm việc theo quy định tại mục 2 Điều 27, thì không phải nộp Bản cam kết theo quy định tại mục trước.

Ngoài hạng mục và số tiền mà người nước ngoài phải gánh vác từ tiền lương tại mục 1 ra, thì Chủ thuê phải thanh toán trực tiếp cho người nước ngoài loại 2 bằng toàn bộ tiền mặt. Nhưng trường hợp thanh toán bằng phương thức khác, thì phải cung cấp giấy tờ chứng nhận liên quan, giao cho người nước ngoài lưu giữ, đồng thời tự bảo quản 01 bản.

Trường hợp Chủ thuê không thanh toán toàn bộ tiền lương tại mục 1, thì Cơ quan có thẩm quyền sẽ lệnh yêu cầu thanh toán trong thời hạn quy định.

#### Điều 44

Trường hợp người nước ngoài thực hiện các công việc tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật này, không được mang theo người nhà cư trú. Nhưng trường hợp sinh đẻ con cái tại Trung Hoa Dân Quốc trong thời hạn được thuê làm và có năng lực nuôi dưỡng, thì không thuộc phạm vi này.

#### Điều 45

Trường hợp Chủ thuê có các hành vi tại Điều 56 Luật này đối với người nước ngoài được thuê, ngoài việc thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, Cơ quan Quản lý Xuất nhập cảnh và Cơ quan Cảnh sát theo quy định ra, đồng thời gửi Giấy thông báo phụ cho Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương.

Đối với người nước ngoài loại 2 được thuê làm xuất cảnh do chấm dứt quan hệ thuê làm trong thời hạn Giấy phép thuê làm còn hiệu lực, thì Chủ thuê phải thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương trước khi người nước ngoài đó xuất cảnh, và Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương sẽ hỏi ý kiến của người nước ngoài, đồng thời thực hiện nghiệm chứng; trình tự nghiệm chứng do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thông báo.

Nội dung thông báo tại mục 1, phải bao gồm các thông tin họ tên, giới tính, độ tuổi, quốc tịch, ngày nhập cảnh, thời hạn làm việc, mã số Giấy phép tuyển dụng hoặc Giấy phép thuê làm và bản photo thẻ cư trú ngoại kiều của người nước ngoài.

Trường hợp người nước ngoài chưa xuất cảnh, Cơ quan Cảnh sát phải thông báo cho Sở Cảnh chính – Bộ Nội chính, đồng thời tăng cường rà soát.

#### Điều 46

Chủ thuê phải thực hiện thủ tục và để cho người nước ngoài được thuê làm xuất cảnh trước khi hết hạn Giấy phép thuê làm.

Trường hợp người nước ngoài được thuê làm có một các trường hợp

sau đây đã lệnh yêu cầu xuất cảnh, thì Chủ thuê phải thực hiện thủ tục và để cho người nước ngoài đó xuất cảnh trước thời hạn lệnh yêu cầu xuất cảnh; trường hợp đã được Cơ quan Quản lý Xuất nhập cảnh lệnh yêu cầu xuất cảnh theo quy định pháp luật, thì không được quá thời hạn xuất cảnh đó:

- I. Trường hợp Giấy phép thuê làm đã bị hủy bỏ.
- II. Trường hợp Bảng kết quả kiểm tra sức khỏe có hạng mục không đạt tiêu chuẩn.
- III. Trường hợp không thực hiện Giấy phép thuê làm theo đúng quy định hoặc không được cấp Giấy phép.

Chủ thuê phải nộp danh sách người nước ngoài và Giấy chứng nhận xuất cảnh thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương trong vòng 30 ngày sau khi người nước ngoài loại 2 xuất cảnh. Nhưng trường hợp người nước ngoài xuất cảnh khi hết hạn Giấy phép thuê làm, hoặc chấm dứt quan hệ thuê làm và đã được Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nghiệm chứng xuất cảnh, thì không thuộc phạm vi này.

#### Điều 46-1

Trường hợp Chủ thuê không thể thông báo hoặc đăng ký trong thời hạn quy định tại Biện pháp này do có nguyên nhân, sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương cho phép, thì có thể bổ sung thông báo hoặc đăng ký trong thời hạn quy định được hạch chuẩn.

Việc bổ sung thông báo hoặc đăng ký tại mục trước, chỉ giới hạn 1 lần cho cùng một hồ sơ thông báo hoặc đăng ký.

#### Điều 46-2

Trường hợp Chủ thuê nộp phí ổn định việc làm theo quy định tại mục 1 Điều 55 Luật này, phải tính phí ổn định việc làm phải nộp trong quý theo loại nghề, số người của người nước ngoài được thuê và số tiền của phí ổn định việc làm tại mục 2 Điều 55 Luật này kể từ ngày tiếp theo ngày người nước ngoài nhập cảnh hoặc ngày tiếp tục thuê làm cho đến ngày hết hạn Giấy phép thuê làm hoặc cho đến một ngày trước khi thu hồi Giấy phép thuê làm.

Chủ thuê nộp phí ổn định việc làm, phải nộp vào tài khoản quỹ ổn định việc làm do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thiết lập trước ngày 25 của tháng thứ hai quý thứ hai; Chủ thuê có thể nộp sớm trước không tính lãi suất.

Trường hợp Chủ thuê thuê người nước ngoài mà số ngày trong tháng chưa đủ 1 tháng, thì phí ổn định việc làm sẽ tính theo số ngày thuê làm thực tế.



Trường hợp Chủ thuê nộp phí ổn định việc làm vượt mức phải nộp, thì có thể nộp Đơn đăng ký và các giấy tờ chứng nhận để đăng ký hoàn trả.

Chương VII: Quy tắc kèm theo

Điều 47

Định dạng bảng biểu được quy định tại Biện pháp này sẽ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Điều 48

Biện pháp này được thực thi kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2004.

Những điều được sửa đổi trong Biện pháp này sẽ thực thi từ ngày ban bố.

Những điều được sửa đổi trong Biện pháp này ban bố ngày 03 tháng 10 năm 2006 sẽ thực thi từ ngày 01 tháng 11 năm 2006.

Điều 12, Điều 14 được sửa đổi trong Biện pháp này ban bố ngày 10 tháng 12 năm 2013 sẽ thực thi từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Những điều được sửa đổi trong Biện pháp này ban bố ngày 28 tháng 03 năm 2014, ngoại trừ Điều 15-2, Điều 28 được thực thi từ ngày 31 tháng 03 năm 2014 ra, còn lại sẽ thực thi từ ngày ban bố.

Những điều được sửa đổi trong Biện pháp này ban bố ngày 11 tháng 11 năm 2015 sẽ thực thi từ ngày 09 tháng 10 năm 2015.

Những điều được sửa đổi trong Biện pháp này ban bố ngày 15 tháng 11 năm 2016 sẽ thực thi từ ngày 05 tháng 11 năm 2016.

Những điều được sửa đổi trong Biện pháp này ban bố ngày 06 tháng 07 năm 2017 sẽ thực thi từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.